



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37 /TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 05 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật đoạn luồng hàng hải Cái Mép - Thị Vải (từ phao số "0"
vào khu bến cảng công ten nơ Cái Mép) thuộc Gói thầu CM-XL01 - Dự án
ĐT XD công trình Nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải

VTU - 07 - 2024

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Căn cứ Đơn đề nghị số 101/BQLDAH-HĐHDA5 ngày 03/02/2024 của Ban Quản lý dự án Hàng hải về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải phạm vi và độ sâu đoạn luồng hàng hải Cái Mép - Thị Vải thuộc Gói thầu CM-XL01 - Dự án ĐT XD công trình Nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải từ phao số "0" vào khu bến cảng công ten nơ Cái Mép.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật đoạn luồng hàng hải Cái Mép - Thị Vải (từ phao số "0" vào khu bến cảng công ten nơ Cái Mép) thuộc Gói thầu CM-XL01 - Dự án ĐT XD công trình Nâng cấp tuyến luồng Cái Mép - Thị Vải như sau:

1. Trong phạm vi thiết kế đáy luồng hàng hải rộng 350 m, chiều dài đoạn luồng 30,5 km, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước "số 0 hải đồ" như sau:

1.1. Phạm vi đoạn luồng xác định bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
BP1	10°16'54.59"N	107°5'6.72"E	10°16'50.91"N	107°5'13.14"E
A1	10°19'40.29"N	107°3'16.93"E	10°19'36.61"N	107°3'23.35"E
A2	10°19'57.34"N	107°3'9.56"E	10°19'53.67"N	107°3'15.98"E
BP17	10°24'4.96"N	107°2'11.46"E	10°24'1.28"N	107°2'17.87"E
BP18	10°24'21.83"N	107°2'7.50"E	10°24'18.15"N	107°2'13.92"E
BP19	10°24'37.68"N	107°2'3.78"E	10°24'34.00"N	107°2'10.20"E
BP20	10°24'46.15"N	107°2'1.79"E	10°24'42.48"N	107°2'8.21"E
BP21	10°24'51.69"N	107°1'58.79"E	10°24'48.02"N	107°2'5.21"E
BP22	10°25'21.74"N	107°1'30.20"E	10°25'18.07"N	107°1'36.62"E
BP23	10°27'0.03"N	106°59'56.69"E	10°26'56.36"N	107°0'3.11"E
BP24	10°27'39.05"N	106°59'42.23"E	10°27'35.38"N	106°59'48.65"E
BP25	10°29'53.12"N	106°59'48.22"E	10°29'49.45"N	106°59'54.64"E
BP26	10°30'1.38"N	106°59'49.25"E	10°29'57.71"N	106°59'55.67"E

BP27	10°30'14.62"N	106°59'54.27"E	10°30'10.95"N	107°0'0.69"E
BP28	10°30'58.74"N	107°0'30.25"E	10°30'55.07"N	107°0'36.67"E
A6	10°31'14.72"N	107°0'41.82"E	10°31'11.05"N	107°0'48.24"E
A7	10°31'15.05"N	107°0'44.30"E	10°31'11.38"N	107°0'50.72"E
A8	10°31'21.48"N	107°0'49.26"E	10°31'17.81"N	107°0'55.68"E
A9	10°31'24.45"N	107°0'48.86"E	10°31'20.78"N	107°0'55.28"E
A10	10°31'27.38"N	107°0'50.98"E	10°31'23.70"N	107°0'57.40"E
A11	10°31'34.40"N	107°0'41.68"E	10°31'30.73"N	107°0'48.10"E
A12	10°31'33.33"N	107°0'33.58"E	10°31'29.65"N	107°0'40.00"E
A13	10°31'26.90"N	107°0'28.62"E	10°31'23.22"N	107°0'35.04"E
A14	10°31'18.88"N	107°0'29.71"E	10°31'15.21"N	107°0'36.13"E
A15	10°31'18.41"N	107°0'30.33"E	10°31'14.74"N	107°0'36.75"E
BT23	10°31'6.40"N	107°0'21.64"E	10°31'2.73"N	107°0'28.06"E
BT22	10°30'44.51"N	107°0'3.85"E	10°30'40.83"N	107°0'10.28"E
BT21	10°30'33.32"N	106°59'47.03"E	10°30'29.65"N	106°59'53.45"E
BT20	10°30'4.08"N	106°59'35.94"E	10°30'0.41"N	106°59'42.36"E
BT19	10°29'47.81"N	106°59'36.46"E	10°29'44.14"N	106°59'42.88"E
BT18	10°27'23.59"N	106°59'29.89"E	10°27'19.92"N	106°59'36.31"E
BT17	10°27'3.92"N	106°59'37.18"E	10°27'0.25"N	106°59'43.60"E
BT16	10°25'13.93"N	107°1'21.83"E	10°25'10.26"N	107°1'28.25"E
BT15	10°24'54.14"N	107°1'40.66"E	10°24'50.46"N	107°1'47.08"E
BT14	10°24'34.70"N	107°1'51.17"E	10°24'31.03"N	107°1'57.59"E
BT13	10°24'29.85"N	107°1'53.80"E	10°24'26.18"N	107°2'0.22"E
BT12	10°24'19.19"N	107°1'56.30"E	10°24'15.51"N	107°2'2.72"E
A5	10°19'43.61"N	107°3'0.97"E	10°19'39.94"N	107°3'7.39"E
BT1	10°16'48.34"N	107°4'57.11"E	10°16'44.67"N	107°5'3.52"E

- Độ sâu đạt 15,5 m.

1.2. Trong phạm vi khảo sát vũng quay trở tàu tại ngã ba sông Thêu (hạ lưu cảng SSIT) được giới hạn bởi đường tròn đường kính D = 700 m, tâm O1 tại vị trí có tọa độ:

Tâm vũng quay trở tàu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
O1	10°30'25.97"N	106°59'56.61"E	10°30'22.30"N	107°0'3.04"E

- Độ sâu đạt 16,18 m.

1.3. Trong phạm vi khảo sát vũng quay trở tàu ngã ba sông Gò Gia được giới hạn bởi đường tròn đường kính D = 600 m, tâm O2 tại vị trí có tọa độ:

Tâm vũng quay trở tàu	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
O2	10°31'24.19"N	107°0'38.94"E	10°31'20.52"N	107°0'45.36"E

- Độ sâu đạt 15,66 m.

2. Trong phạm vi khảo sát rà quét chương ngại vật được giới hạn bởi các điểm có tọa độ nêu trên không phát hiện chương ngại vật.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Ban Quản lý dự án Hàng hải ⁽¹⁾.

Ghi chú: Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ ký hiệu từ CM-XL01/MPMU-LD PX SM MD-29-ĐS-01 đến CM-XL01/MPMU-LD PX SM MD-29-ĐS-28, số liệu rà quét căn cứ bình đồ ký hiệu từ CM-XL01/MPMU-LD PX SM MD-29-RQ-01 đến CM-XL01/MPMU-LD PX SM MD-29-RQ-28, tỷ lệ 1/2.000 được cung cấp bởi Ban Quản lý dự án Hàng hải kèm theo đơn đề nghị số 101/BQLDAH-HĐHDA5 ngày 03/02/2024. 

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV IX;
- Cty TNHH MTV TTĐT Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P. ATHH ^{Bình}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- | | |
|--|---|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân | 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip) |
| 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển | 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) |
| 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam | 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP |
| 4 Chi Cục Đường thủy nội địa KV III | 16 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam |
| 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 17 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam |
| - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP) | 18 Trường Đại học GTVT TP.HCM |
| - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) | 19 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM |
| - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP) | 20 Cty CP Cảng Sài Gòn |
| - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans) | 21 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh |
| - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping) | 22 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh |
| - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam | 23 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng |
| 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) | 24 Bộ đội Biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO | 25 P. Cảnh sát giao thông đường thủy – Vũng Tàu |
| 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex | 26 Sở GTVT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) | 27 Sở NN&PTNT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |
| - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO) | 28 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu |
| - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container) | 29 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ |
| - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC) | 30 Ban Quản lý dự án Hàng hải |
| - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE) | |
| - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế | |
| - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang | |
| - Cty Vận tải Biển Bắc | |
| 10 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn) | |
| 11 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) | |
| 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển | |

(¹) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.